

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2023/DS-PT

Ngày: 28 - 3 - 2023

V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MC A, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1974 (Có mặt)

2. Anh Bùi Văn D, sinh năm 1994 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MC A, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Thanh B, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MC A, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** bị đơn ông Bùi Văn T1, anh Bùi Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do là chỗ làm ăn quen biết, ông T1 cần tiền để làm vốn mua bán lúa gạo nên có cho vay số tiền 127.000.000 đồng để làm vốn, khi vay không có làm biên nhận nợ, cũng không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình vay ngày 17/9/2014 ông T1 đã trả được 55.000.000 đồng do Phạm Thanh B giao trực tiếp cho bà T, số tiền này là tiền ông T1 bán đất cho anh B. Ngoài ra, bà T có nhận số tiền hụi 18.000.000 đồng của ông T1 từ chị N là chủ hụi đồng thời cũng là em ruột của bà T, nên hiện nay ông T1 còn nợ bà T số tiền 54.000.000 đồng.

Sau đó bà T đã đến nhà ông T1 để đòi tiền nợ nhiều lần nhưng ông T1 không trả nên anh Bùi Văn D (là con ruột ông T1) có làm biên nhận nợ ký tên thừa nhận ông T1 còn nợ lại 54.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông Bùi Văn T1 và Bùi Văn D liên đới trả số tiền 54.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Văn T1 trình bày: Ông T1 thừa nhận có nợ bà T 127.000.000 đồng, do ông không có khả năng trả nợ nên ông có bán cho anh Phạm Thanh B phần đất có diện tích khoảng 11.000m² với giá 1.300.000.000 đồng nhưng ông chỉ nhận 600.000.000 đồng số tiền còn lại anh B đã tự ý cầm trừ vào tiền nợ hụi của ông T1 với anh B và số tiền nợ 127.000.000 đồng của bà T, ngoài ra bà T còn cầm trừ số tiền 18.000.000 đồng là tiền hụi sống của ông T1 tham gia chơi của bà Nguyễn Thị N, khi cầm trừ không có làm giấy tờ hay biên nhận gì. Ông thừa nhận chữ ký Dương trong biên nhận ngày 17/9/2014 đúng là của anh D nhưng ký nhận nợ trước khi cầm trừ tiền bán đất của anh B. Nay ông T1 không đồng ý trả số tiền 54.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Bị đơn anh Bùi Văn D trình bày: Anh D là con ruột của ông T1 anh thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông T1 về việc không còn nợ số tiền 54.000.000 đồng của bà T, anh D thừa nhận chữ ký của anh trong biên nhận ngày 17/9/2014 là do anh ký tên. Nay anh không đồng ý liên đới cùng với ông T1 trả số tiền 54.000.000 đồng cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh B trình bày: Vào năm 2014 anh có mua phần đất của anh T1 diện tích khoảng 11.000m², với giá 1.050.000.000 đồng. Anh B đã trả tiền ngân hàng cho ông T1 khoảng 650.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền ông T1 vay 55.000.000 đồng, để trừ một phần nợ mà ông T1 nợ bà T lúc trả tiền cho bà T có mặt anh Bùi Văn D (là con của ông T1) chứng kiến đồng ý, ngoài ra anh B có trả tiền cho các chủ nợ khác thay cho ông T1 nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu. Theo anh B xác định anh chỉ trả cho bà T 55.000.000 đồng thay cho ông T1, ngoài ra không có trả số

tiền nào khác. Nay anh B thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà T là đúng, anh không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2014 chị không nhớ cụ thể ngày tháng chị N có góp hội của ông T1, do ông T1 bỏ đi và không đăng hội tiếp nên chị N đã hoàn lại số tiền hội sống ông T1 đã đóng 18.000.000 đồng, ông T1 kêu chị N đưa số tiền này cho bà T để trả nợ có sự chứng kiến của anh Bùi Văn D (con ruột của ông T1). Nay chị N không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Bùi Văn T1 và anh Bùi Văn D liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/12/2022, bị đơn Bùi Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/12/2022, bị đơn Bùi Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn D, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn T1, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

của bà Nguyễn Thị T buộc ông Bùi Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 54.000.000đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn T1, anh Bùi Văn D, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh B và chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu yêu cầu ông Bùi Văn T1 và anh Bùi Văn D trả cho bà số tiền là 54.000.000đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là “Biên nhận” có nội dung “Hôm nay ngày 17/9/2014, tôi Nguyễn Thị T có nhận 55.000.000đồng của ông Bùi Văn T1 trả. Số tiền còn lại 72.000.000đồng. Số tiền 55.000.000đồng do Phạm Thanh B sang đất của Bùi Văn T1 trả thế cho ông T1. Mỹ Hội 17/9/2014. Có nhận thêm 18 triệu. Út T1 còn nợ lại 54 triệu. Dương. Mỹ Hội ngày 03/9/2014”. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 18/8/2014 Tòa án nhân dân huyện Cái Bè ra Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 104/2014/QĐST-DS với nội dung thỏa thuận “Anh Bùi Văn T1 đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là 127.816.000đồng một lần vào ngày 04/9/2014” (BL 73) và tại Công văn số 731/CCTHADS ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phúc đáp Công văn số 545A/CV-TA ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè về việc cung cấp thông tin thi hành bản án số 104/2014/QĐST-DS ngày 18/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Nội dung văn bản xác định “Bà Nguyễn Thị T chưa có làm đơn yêu cầu thi hành bản án số 104/2014/QĐST-DS ngày 18/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè nên Chi cục thi hành án huyện Cái Bè chưa thụ lý thi hành đối với phần nộp trả tiền theo bản án”. Và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị T khai nhận trước đây ông T1 có nợ bà nhiều lần đến năm 2014 ông T1 nợ bà tổng cộng là 127.000.000đồng, bà có khởi kiện ông T1 ở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, Tòa án có giải quyết xong ông T1 có xin bà trả dần nên bà không yêu cầu thi hành án nhưng ông T1 trả không hết số tiền cho bà mà còn nợ lại 54.000.000đồng ông T1 không trả, bà có đến cơ quan Thi hành án hỏi thì được cán bộ thi hành án trả lời là không giải quyết khi nào bà có bản án mới thì cơ quan Thi hành án thi hành, vì vậy nên bà làm đơn khởi kiện ông T1 tiếp số tiền 54.000.000đồng còn nợ lại.

[3] Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định số tiền 54.000.000đồng bà T yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả là một phần của số tiền 127.816.000đồng trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 104/2014/QĐST-DS ngày 18/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Đây thuộc trường hợp sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đình chỉ giải quyết vụ án mà tiếp tục giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 311 và khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 235/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLPT-DS ngày 08/02/2023 về việc “Đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Bùi Văn T1, anh Bùi Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thanh B và chị Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn T1 và anh Bùi Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Bùi Văn T1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010663 ngày 02/12/2022 và hoàn lại cho anh Bùi Văn D 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010701 ngày 07/12/2022, cả hai biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh